

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 216/2008/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 8 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành lệ phí đăng ký hộ tịch**  
**trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH 10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định Pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định Pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2008/NQ-HĐND ngày 11/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X - kỳ họp thứ 16,

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1748/STC-QLGCS ngày 25/7/2008,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí: Những người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

2. Các việc hộ tịch được miễn nộp lệ phí:

a) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai sinh, bao gồm đăng ký khai đúng hạn, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn;

b) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký kết hôn, bao gồm đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn;

c) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai tử, bao gồm đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử quá hạn, đăng ký lại việc khai tử;

d) Miễn lệ phí đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch;

đ) Đăng ký kết hôn, đăng ký nuôi con nuôi cho người dân thuộc các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.

3. Đối với việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài theo Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và các hoạt động đăng ký nuôi con nuôi, nhận cha, mẹ, con, cấp bản sao các giấy tờ về hộ tịch, xác nhận hoặc thực hiện các việc đăng ký hộ tịch khác vẫn thực hiện thu lệ phí theo quy định hiện hành.

4. Cơ quan thu lệ phí:

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Quảng Ngãi;

c) Sở Tư pháp.

5. Mức thu lệ phí:

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Quảng Ngãi theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

c) Sở Tư pháp theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Mức thu lệ phí nêu trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí mua sổ đăng ký hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch và các hồ sơ liên quan đến công tác quản lý hộ tịch.

## **Điều 2. Quản lý và sử dụng lệ phí:**

1. Số tiền thu lệ phí để lại cho cơ quan thu lệ phí:

a) UBND xã, phường, thị trấn được để lại 70% tổng số tiền lệ phí thu được để thực hiện công việc thu lệ phí, số tiền lệ phí còn lại (30%) nộp vào ngân sách xã, phường, thị trấn.

b) UBND các huyện, thành phố Quảng Ngãi được để lại 70% tổng số tiền lệ phí thu được để thực hiện công việc thu lệ phí, số tiền lệ phí còn lại (30%) nộp vào ngân sách huyện, thành phố Quảng Ngãi.

c) Sở Tư pháp được trích để lại 50% tổng số tiền lệ phí thu được để thực hiện công việc thu lệ phí, số tiền lệ phí còn lại (50%) nộp vào ngân sách tỉnh.

d) Số tiền lệ phí được lại trong năm, sau khi quyết toán đúng chế độ, nếu sử dụng không hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

2. Cơ quan thu lệ phí phải thực hiện việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch theo đúng quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước về phí, lệ phí.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Huế**

## PHỤ LỤC I

**MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG  
TẠI UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

(Kèm theo Quyết định số: 216/2008/QĐ-UBND ngày 06/8/2008  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu (đồng) cho mỗi trường hợp
01	Nuôi con nuôi	
	- Đăng ký việc nuôi con nuôi	10.000
	- Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	20.000
02	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	10.000
03	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	2.000/01 bản sao
04	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	3.000
05	Ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác; gồm: xác định cha, mẹ, con; thay đổi quốc tịch; ly hôn; huỷ việc kết hôn trái pháp luật; chấm dứt nuôi con nuôi và những sự kiện hộ tịch khác do pháp luật quy định.	4.000

**PHỤ LỤC II**

**MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG  
TẠI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**  
(Kèm theo Quyết định số: 216/2008/QĐ-UBND ngày 06/8/2008  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

<b>STT</b>	<b>Nội dung thu lệ phí</b>	<b>Mức thu (đồng) cho mỗi trường hợp</b>
01	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	8.000
02	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	3.000/01 bản sao
03	Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính.	25.000
04	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	4.000

## PHỤ LỤC III

**MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG TẠI SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Quyết định số 216/2008/QĐ-UBND ngày 06/8/2008  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu (đồng) cho mỗi trường hợp
01	Đăng ký kết hôn	1.000.000
02	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000.000
03	Nuôi con nuôi	
	- Đăng ký việc nuôi con nuôi	2.000.000
	- Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	2.000.000
04	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	5.000/01 bản sao
05	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	10.000
06	Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính	25.000
07	Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	50.000
08	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	10.000